

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9 Tòa nhà ICON4 Đê La Thành - Quận Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 04.39367083; Fax: 04.39367082

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Quý 3 Năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý III		Chênh lệch	Diễn giải
			Năm 2013	Năm 2012		
1. Doanh thu trong đó:	2	3	4	5	6	
01			4 923 509 458	6 305 380 546	- 1 381 871 088	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1					Thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi, giao dịch ít nên phí giao dịch tăng
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		622 386 168	502 423 039	119 963 129	không đáng kể
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3					
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4					
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		81 363 636		81 363 636	Quý 03 năm 2013 Công ty thực hiện
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		482 000		482 000	02 HĐ tư vấn
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7					
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8					
- Doanh thu khác	01.9		4 219 277 654	5 802 957 507	- 1 583 679 853	Do lãi suất tiền gửi năm 2013 giảm đáng kể so với năm 2012 nên doanh thu từ lãi tiền gửi giảm
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		4 923 509 458	6 305 380 546	- 1 381 871 088	
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		453 052 702	7 640 656 908	- 7 187 604 206	Quý 03/2013 Công ty không tham gia tự doanh nên không có chi phí liên quan đến hoạt động tự doanh

5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		4 470 456 756	- 1 335 276 362	5 805 733 118	
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1 726 735 660	2 710 887 574	- 984 151 914	Từ Quý 02/2013 Công ty đã thực hiện cắt giảm nhân sự, thắt chặt chi tiêu và tiền thuê văn phòng cũng được giảm đáng kể so với năm 2012
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		2 743 721 096	- 4 046 163 936	6 789 885 032	
8. Thu nhập khác	31		2 087 611 400	7 060 133	2 080 551 267	
9. Chi phí khác	32					
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2 087 611 400	7 060 133	2 080 551 267	
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4 831 332 496	- 4 039 103 803	8 870 436 299	
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1				
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2				
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4 831 332 496	- 4 039 103 803	8 870 436 299	
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		96	(80)		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lê Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Trang

Hà Nội ngày 10 tháng 10 năm 2013

Phó Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Viết Thắng

Nơi gửi: Công ty chứng khoán
Nơi nhận: Ngân hàng Nhà nước

**Phụ lục III - Biểu số 3.4-
NHNN**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CÓ - TÀI SẢN NỢ
Quý III năm 2013

Đơn vị: triệu đồng

	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
I. Tài sản có (sử dụng vốn)	651,293	657,197	515,575
1. Tiền	514,009	511,129	103,149
- Tiền mặt tồn quỹ	79,763	79,804	76
- Tiền gửi tại Ngân hàng	434,246	431,325	103,072
	362,633	359,712	103,072
	71,613	71,613	-
- Tiền đang chuyển	-	-	-
2. Hoạt động nghiệp vụ	54,566	68,923	383,202
a) Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác	54,566	68,923	233,558
- Chứng khoán tự doanh	457	6	96,013
+ Trái phiếu chính phủ			
+ Trái phiếu công ty được chính phủ bảo lãnh			
+ Trái phiếu và các chứng khoán khác do các TCTD, các tổ chức tài chính khác phát hành			
+ Trái phiếu và các chứng khoán khác do các tổ chức kinh tế phát hành	457	6	96,013
- Đầu tư ngắn hạn của công ty chứng khoán	54,109	68,917	137,545
+ Đầu tư vào các TCTD và các tổ chức tài chính trong nước khác	54,109	68,917	137,545
+ Đầu tư vào các tổ chức kinh tế trong nước			
+ Đầu tư vào các tổ chức ở nước ngoài			
b) Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và góp vốn liên doanh của công ty chứng khoán	-	-	34,169
- Đầu tư vào các TCTD và các tổ chức tài chính trong nước khác			
- Đầu tư vào các tổ chức kinh tế trong nước	-	-	34,169
- Đầu tư vào các tổ chức ở nước ngoài			
c) Đầu tư dài hạn khác	-	-	122,950
- Đầu tư vào các TCTD và các tổ chức tài chính trong nước khác			
- Đầu tư vào các tổ chức kinh tế trong nước	-	-	122,950
- Đầu tư vào các tổ chức ở nước ngoài	-	-	
d) Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	-	-	(7,475)

3. Tài sản có khác	82,718	77,145	29,224
II. Tài sản nợ (nguồn vốn)	173,002	178,696	515,575
1. Vay TCTD, các tổ chức tài chính khác trong nước	-	-	-
2. Vay các đối tượng khác trong nước	-	-	-
3. Vay nước ngoài	-	-	-
4. Trái phiếu phát hành	-	-	-
5. Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	89,823	100,154	2,264
6. Vốn và các quỹ	4,831	-	515,742
a) Vốn góp ban đầu	-	-	503,000
b) Vốn bổ sung			
c) Vốn điều chỉnh			
d) Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	4,831	-	12,742
7. Tài sản nợ khác	78,347	78,542	(2,431)

Hà nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

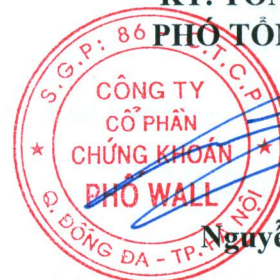
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Trang



Trịnh Công Thắng



Nguyễn Viết Thắng

— 2
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL
TẦNG 9 TÒA NHÀ ICON4 - 243A ĐỀ LA THÀNH - HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2013

Hà nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9 Tòa nhà ICON4 Đê La Thành - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 04.39367083; Fax: 04.39367082

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Quý 3 Năm 2013**

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2013	Số đầu kỳ 01/07/2013
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		357,272,355,590	362,542,775,783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	103,148,879,130	100,269,122,214
1. Tiền	111		8,648,879,130	14,676,736,727
2. Các khoản tương đương tiền	112		94,500,000,000	85,592,385,487
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	233,558,308,226	247,915,966,526
1. Đầu tư ngắn hạn	121		233,616,632,377	248,424,632,377
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(58,324,151)	(508,665,851)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	3,025,858,568	477,764,289
1. Phải thu của khách hàng	131		113,036,588	53,374,500
2. Trả trước cho người bán	132		81,870,410	116,200,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2,855,951,570	334,877,039
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		(25,000,000)	(26,687,250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.02		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,539,309,666	13,879,922,754
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		162,961,091	351,210,909
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,101,116,815	1,066,480,085
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		11,830,431,760	11,830,431,760
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,444,800,000	631,800,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		170,269,913,808	170,918,089,120
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.11	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		2,257,240,764	2,530,565,072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2,137,836,893	2,337,999,054
- Nguyên giá	222		10,575,635,412	10,575,635,412
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(8,437,798,519)	(8,237,636,358)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	119,403,871	192,566,018
- Nguyên giá	228		2,312,949,300	2,312,949,300
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,193,545,429)	(2,120,383,282)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		149,644,080,000	149,644,080,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		34,169,300,000	34,169,300,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		34,169,300,000	34,169,300,000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.04	122,950,000,000	122,950,000,000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(7,475,220,000)	(7,475,220,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18,368,593,044	18,743,444,048
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	15,992,057,970	16,366,908,974
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09		
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	2,133,256,449	2,133,256,449
4. Tài sản dài hạn khác	268		243,278,625	243,278,625
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		527,542,269,398	533,460,864,903

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2013	Số đầu kỳ 01/07/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		12,284,622,325	23,034,550,326
I. Nợ ngắn hạn	310		12,284,622,325	23,034,550,326
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		518,108,917	530,588,229
3. Người mua trả tiền trước	313		55,000,000	35,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	241,186,951	44,953,895
5. Phải trả người lao động	315		279,550,707	364,198,512
6. Chi phí phải trả	316	V.12	315,458,180	340,045,197
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	8,126,699,736	8,265,910,518
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2,264,486,300	12,595,166,175
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	21,556,266
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	353,000,000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		484,131,534	484,131,534
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.14		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.09		

6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đư	359			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		515,257,647,073	510,426,314,577
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.16	515,257,647,073	510,426,314,577
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		503,000,000,000	503,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,353,605,115	8,353,605,115
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,904,041,958	(927,290,538)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		527,542,269,398	533,460,864,903

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lê Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Trang



Hà Nội ngày 10 tháng 10 năm 2013

Phó Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Viết Thăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9 Tòa nhà ICON4 Đê La Thành - Quận Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: 04.39367083; Fax: 04.39367082

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Quý 3 Năm 2013

Chi tiêu	Mã số	TM	Quý III		Lũy kế từ đầu năm		Đơn vị: đồng
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	
1	2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu trong đó:	01		4 923 509 458	6 305 380 546	15 220 992 696	24 620 587 743	
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		622 386 168	502 423 039	2 511 598 078	1 754 139 358	
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2					320 000 010	
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3						
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4						
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		81 363 636		1 120 454 545	45 454 545	
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		482 000		2 103 000		
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7						
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8						
- Doanh thu khác	01.9		4 219 277 654	5 802 957 507	11 586 837 073	22 500 993 830	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02						
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		4 923 509 458	6 305 380 546	15 220 992 696	24 620 587 743	
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		453 052 702	7 640 656 908	5 910 751 179	22 359 159 316	
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		4 470 456 756	- 1 335 276 362	9 310 241 517	2 261 428 427	
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1 726 735 660	2 710 887 574	6 301 928 536	8 680 896 075	
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		2 743 721 096	- 4 046 163 936	3 008 312 981	- 6 419 467 648	

8. Thu nhập khác	31	2 087 611 400	7 060 133	2 091 268 240	3 296 849 424
9. Chi phí khác	32			42	
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	2 087 611 400	7 060 133	2 091 268 198	3 296 849 424
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	4 831 332 496	- 4 039 103 803	5 099 581 179	- 3 122 618 224
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1			
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2			
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	4 831 332 496	- 4 039 103 803	5 099 581 179	- 3 122 618 224
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	96	(80)	101	(62)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

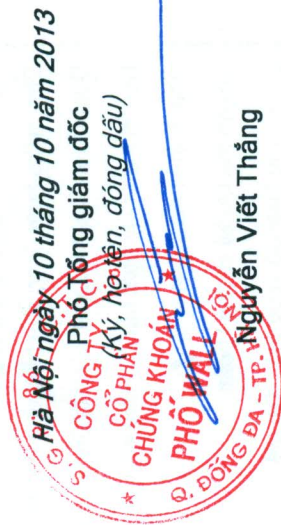
[Signature]

Lê Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Trang



Nguyễn Viết Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 3 Năm 2013

Đơn vị: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III	
			Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Thu tiền từ hoạt động kinh doanh	01		634,530,446	6,764,720
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		-168,687,993	0
3. Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	05		0	0
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		89,813,528,092	61,672,709,576
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		-95,153,922,431	-52,058,521,852
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08		0	
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		-4,112,750,000	
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10		-378,690,259	-11,521,391,248
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		-953,693,364	-606,314,789
10. Tiền chi trả lãi vay	12			14,307,127
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13			-92,670,034
12. Tiền thu khác	14		73,276,549,603	59,705,584,626
13. Tiền chi khác	15		-62,167,931,678	-74,245,396,235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		788 932 416	- 17 124 928 109
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			1,036,133
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,090,824,500	-416,666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2 090 824 500	619 467
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	52,370,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	-62,330,000,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			- 9 960 000 000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2 879 756 916	- 27 084 308 642
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		100,269,122,214	67 727 933 944
Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	103 148 879 130	40 643 625 302

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lê Thị Thanh Nhân

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Trang



Hà Nội ngày 11 tháng 07 năm 2013
Phó Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Viết Thắng

<u>Phụ lục 01</u>							Đơn vị tính: VND	
Tăng giảm tài sản cố định		Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
I. Nguyên giá								
1. Số dư đầu năm			-	4,125,658,056	3,640,069,952	2,809,907,404	-	10,575,635,412
2. Số tăng trong năm			-	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới			-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành								-
- Tăng khác								-
3. Số giảm trong năm			-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT								-
- Thanh lý, nhượng bán			-	-	-	-	-	-
- Giảm khác								-
4. Số dư cuối năm			-	4,125,658,056	3,640,069,952	2,809,907,404	-	10,575,635,412
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế								
1. Số dư đầu năm			-	3,532,298,080	1,321,217,105	2,655,325,540	-	7,508,840,725
2. Số tăng trong năm			-	320,695,651	455,008,743	153,253,400	-	928,957,794
- Trích khấu hao			-	320,695,651	455,008,743	153,253,400	-	928,957,794
- Tăng khác								-
3. Số giảm trong năm			-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT								-
- Thanh lý, nhượng bán			-	-	-	-	-	-
- Giảm khác								-
4. Số dư cuối năm			-	3,852,993,731	1,776,225,848	2,808,578,940	-	8,437,798,519
III. Giá trị còn lại								
1. Đầu năm			-	593,359,976	2,318,852,847	154,581,864	-	3,066,794,687
2. Cuối năm			-	272,664,325	1,863,844,104	1,328,464	-	2,137,836,893

Số: 124/2013/CBTT-WSS

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
2. Mã chứng khoán : WSS
3. Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Hà nội
4. Điện thoại : 04.39367083 Fax: 04.39367082
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Viết Thắng
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Hà nội
Điện thoại: 0902860288 Fax: 04.39367082
6. Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:
7. Nội dung thông tin công bố (*):
Báo cáo tài chính Quý III.2013; Giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC quý III.2012 và BCTC quý III.2013; Báo cáo tài sản nợ có quý III.2013; Báo cáo giám sát tuân thủ quý III.2013
8. Địa chỉ đăng tải toàn bộ Báo cáo Tài chính: <http://wss.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC, HCNS.

Tài liệu đính kèm:



Số: 123 /2013/CV-WSS

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Quý III năm 2013 so với Quý III năm 2012)

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2013 lập ngày 10/10/2013 của Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall. Nay chúng tôi xin cung cấp số liệu và giải trình về việc số liệu kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm ngoái như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Quý III năm 2013 so với Quý III năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý III		Chênh lệch
			Năm 2013	Năm 2012	
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu trong đó:	01		4 923 509 458	6 305 380 546	- 1 381 871 088
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		622 386 168	502 423 039	119 963 129
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2				
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3				
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4				
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		81 363 636		81 363 636
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		482 000		482 000
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7				
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8				
- Doanh thu khác	01.9		4 219 277 654	5 802 957 507	- 1 583 679 853
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		4 923 509 458	6 305 380 546	- 1 381 871 088
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		453 052 702	7 640 656 908	- 7 187 604 206
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		4 470 456 756	- 1 335 276 362	5 805 733 118

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1 726 735 660	2 710 887 574	- 984 151 914
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		2 743 721 096	- 4 046 163 936	6 789 885 032
8. Thu nhập khác	31		2 087 611 400	7 060 133	2 080 551 267
9. Chi phí khác	32				
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2 087 611 400	7 060 133	2 080 551 267
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4 831 332 496	- 4 039 103 803	8 870 436 299
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1			
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2			
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4 831 332 496	- 4 039 103 803	8 870 436 299
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		96	(80)	

Nguyên nhân có kết quả chênh lệch trên là do:

1. Thị trường chứng khoán chưa có tín hiệu hồi phục, khiến Nhà đầu tư ít giao dịch, dẫn đến phí thu được ít, phí quý 3 năm 2013 tăng không đáng kể so với quý 3 năm 2012;
2. Quý 3 năm 2013 Công ty có 02 hợp đồng tư vấn đã hoàn thành;
3. Năm 2013 lãi suất tiền gửi giảm đáng kể so với năm 2012 nên doanh thu từ lãi tiền gửi giảm
4. Quý 3 năm 2013 Công ty không thực hiện tự doanh nên không phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tự doanh, và năm 2013 Công ty thực hiện việc thắt chặt chi tiêu nên chi phí kinh năm quý 3 năm 2013 giảm so với quý 3 năm 2012
5. Công ty đã cắt giảm nhân sự, thắt chặt chi tiêu để giảm chi phí, tiền thuê văn phòng cũng giảm đáng kể so với quý 3 năm 2012.

Vậy Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall xin báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC-NS, PC và QTRR.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Viết Thắng